

QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN

SẢN PHẨM BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ NGƯỜI TRÊN XE

(Quy tắc điều khoản sản phẩm được ban hành theo Quyết định số 116/2019/QĐ-TGD ngày 12/12/2019 và được sửa đổi theo Điều khoản bảo hiểm bổ sung được ban hành theo Quyết định số 01/2021/QĐ-TGD ngày 06/01/2021 và Quyết định số 45/2021/QĐ-TGD ngày 22/10/2021 và Quyết định số 74/2023/QĐ-TGD ngày 25 tháng 08 năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES)



MỤC LỤC

Điều 1	Các định nghĩa	2
Điều 2	Điều kiện của Người Được Bảo Hiểm	4
Điều 3	Quyền lợi bảo hiểm	4
Điều 4	Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	6
Điều 5	Chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm	7
Điều 6	Phí bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm	7
Điều 7	Những thay đổi liên quan đến việc tham gia bảo hiểm	8
Điều 8	Các quyền và nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm	8
Điều 9	Các quyền và nghĩa vụ của Công Ty Bảo Hiểm	9
Điều 10	Giải quyết quyền lợi bảo hiểm	9
Điều 11	Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp	11
	Phụ lục 1 - Bảng tỷ lệ chi trả thương tật	12
	Điều khoản bổ sung 01	21
	Điều khoản bổ sung 02	22
	Điều khoản bổ sung về thu thập và bảo vệ dữ liệu cá nhân	26

Điều 1: **Các định nghĩa**

- 1.1. **“Công Ty Bảo Hiểm”** là Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 79 GP/KDBH ngày 20/03/2018 của Bộ Tài chính.
- 1.2. **“Bên Mua Bảo Hiểm”** là tổ chức hoặc cá nhân giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm với Công Ty Bảo Hiểm và đóng phí bảo hiểm. Bên Mua Bảo Hiểm có thể mua bảo hiểm cho những người theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm. Bên Mua Bảo Hiểm có thể đồng thời là Người Được Bảo Hiểm hoặc Người Thụ Hưởng.
- 1.3. **“Người Được Bảo Hiểm”** là Lái Xe, Người Trên Xe được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm Tai Nạn Lái Xe và Người Trên Xe (sau đây gọi tắt là “Quy Tắc Điều Khoản”).
- 1.4. **“Lái Xe”** là người điều khiển Xe Cơ Giới.
- 1.5. **“Người Trên Xe”** là những người được chở trên Xe Cơ Giới và không phải là Lái Xe.
- 1.6. **“Người Thụ Hưởng”** là tổ chức, cá nhân được Bên Mua Bảo Hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- 1.7. **“Xe Cơ Giới”** bao gồm xe ô tô, máy kéo, xe máy thi công, xe máy nông nghiệp/ lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng (kể cả rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc được kéo bởi xe ô tô hoặc máy kéo), xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện và xe đạp máy) và các loại Xe Cơ Giới tương tự (kể cả Xe Cơ Giới dùng cho người tàn tật) có tham gia giao thông.
- 1.8. **“Hợp Đồng Bảo Hiểm”** là sự thoả thuận giữa Bên Mua Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm, theo đó Bên Mua Bảo Hiểm phải đóng đầy đủ phí bảo hiểm và Công Ty Bảo Hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho Người Thụ Hưởng hoặc bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Bên Mua Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm có thể thoả thuận sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Bảo Hiểm. Bằng chứng giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm là giấy chứng nhận bảo hiểm và các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.
- 1.9. **“Thời Hạn Bảo Hiểm”** là khoảng thời gian Hợp Đồng Bảo Hiểm có hiệu lực, tính từ thời điểm bắt đầu đến thời điểm kết thúc được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- 1.10. **“Ngày Bắt Đầu Thời Hạn Bảo Hiểm”** là ngày mà Người Được Bảo Hiểm được Công Ty Bảo Hiểm chấp thuận bảo hiểm theo Quy Tắc Điều Khoản này và được ghi nhận trên Hợp Đồng Bảo Hiểm.

- 1.11. **“Tai Nạn”** là một sự kiện hay một chuỗi các sự kiện bất ngờ, không lường trước được gây ra bởi tác động của một vật chất hoặc một lực bên ngoài, ngoài ý muốn chủ quan của Người Được Bảo Hiểm, lên cơ thể của Người Được Bảo Hiểm, là nguyên nhân trực tiếp và duy nhất gây ra sự kiện: tử vong hoặc Thương Tật Thân Thể. Tai Nạn này phải xảy ra khi Người Được Bảo Hiểm đang ở trên xe, lên, xuống xe trong quá trình Xe Cơ Giới đang tham gia giao thông đường bộ. Tai nạn này bao gồm cả trường hợp Lái Xe bị Hành Hung bởi Người Trên Xe/bên thứ ba hoặc Người Trên Xe bị Hành Hung bởi Lái Xe/ bên thứ ba trong quá trình Xe Cơ Giới đang tham gia giao thông đường bộ.
- 1.12. **“Thương Tật Thân Thể”** là các tổn thương, thương tật đối với cơ thể của Người Được Bảo Hiểm, được gây ra bởi Tai Nạn xảy ra trong Thời Hạn Bảo Hiểm.
- 1.13. **“Bảng Tỷ Lệ Chi Trả Thương Tật”** là tài liệu xác định, phân loại các loại Thương Tật Thân Thể và các nguyên tắc xét trả tiền bảo hiểm theo từng quyền lợi bảo hiểm tương ứng của Quy Tắc Điều Khoản này. Bảng Tỷ Lệ Chi Trả Thương Tật được quy định tại Phụ lục 1 của Quy Tắc Điều Khoản này.
- 1.14. **“Thương Tật Vĩnh Viễn”** là Thương Tật Thân Thể làm cho Người Được Bảo Hiểm bị mất/ đứt rời/ cắt đứt hoặc mất hoàn toàn chức năng và không thể phục hồi được chức năng của bộ phận (đối với Thương Tật Bộ Phận Vĩnh Viễn) hoặc toàn bộ cơ thể (đối với Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn). Các trường hợp Thương Tật Vĩnh Viễn được quy định trong Bảng Tỷ Lệ Chi Trả Thương Tật.
- 1.15. **“Thương Tật Tạm Thời”** là Thương Tật Thân Thể làm cho Người Được Bảo Hiểm không thể thực hiện được một hoặc một vài nhiệm vụ liên quan đến công việc của mình trong một thời gian nhất định. Các trường hợp Thương Tật Tạm Thời được quy định trong Bảng Tỷ Lệ Chi Trả Thương Tật.
- 1.16. **“Cơ Sở Y Tế”** là một cơ sở điều trị, khám chữa bệnh được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Cơ Sở Y Tế thuộc phạm vi bảo hiểm theo Quy Tắc Điều Khoản này không bao gồm: nơi nghỉ dưỡng hoặc điều dưỡng; nơi điều trị bằng nước khoáng, thủy lực; cơ sở chăm sóc, điều trị thẩm mỹ; cơ sở đặc biệt dành riêng cho người già; cơ sở cai nghiện rượu, ma túy và các chất kích thích; cơ sở điều trị tâm thần, bệnh phong.
- 1.17. **“Nằm Viện”** là việc Người Được Bảo Hiểm cần thiết phải điều trị nội trú tại Cơ Sở Y Tế liên tục ít nhất là 24 giờ để điều trị các Thương Tật Thân Thể do Tai Nạn gây ra. Việc Nằm Viện phải diễn ra liên tục và không bị gián đoạn trong suốt thời gian kể từ khi nhập viện cho đến khi xuất viện.
- Các trường hợp điều trị trong ngày được giải quyết theo quyền lợi Nằm Viện.
- 1.18. **“Chi Phí Y Tế”** là các chi phí thực tế phát sinh hợp lý và cần thiết cho việc điều trị của Người Được Bảo Hiểm theo yêu cầu hoặc chỉ định của Bác Sĩ.

- 1.19. **“Bác Sĩ”** là người có bằng cấp chuyên môn y khoa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc thừa nhận được thực hành nghề y hợp pháp trong phạm vi giấy phép theo pháp luật Việt Nam. Bác Sĩ không được đồng thời là Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, vợ/chồng, cha/mẹ (bao gồm cả cha/mẹ của vợ/chồng), con (bao gồm cả con riêng của vợ/chồng), anh chị em ruột của Người Được Bảo Hiểm/ Bên Mua Bảo Hiểm.
- 1.20. **“Bệnh Nghề Nghiệp”** là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động. Danh mục Bệnh nghề nghiệp áp dụng tại Quy Tắc Điều Khoản này dựa trên quy định tại Thông tư 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế và các văn bản sửa đổi bổ sung khác theo quy định của pháp luật.
- 1.21. **“Số Tiền Bảo Hiểm”** là số tiền chi trả tối đa của Công Ty Bảo Hiểm đối với từng quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 3 Quy Tắc Điều Khoản này, tương ứng với từng chương trình bảo hiểm do Bên Mua Bảo Hiểm lựa chọn và được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- 1.22. **“Tuổi”** là tuổi của Người Được Bảo Hiểm, được tính theo ngày sinh nhật liền trước Ngày Bắt Đầu Thời Hạn Bảo Hiểm. Tuổi được xác định căn cứ vào Giấy khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác.
- 1.23. **“Hành Hung”** là hành động làm những điều thô bạo, xâm phạm đến người khác một cách trái phép.
- 1.24. **“Chương Trình Bảo Hiểm”** là chương trình được Công Ty Bảo Hiểm xây dựng với Số Tiền Bảo Hiểm khác nhau tương ứng với một hoặc một số các quyền lợi bảo hiểm theo Quy Tắc Điều Khoản này.

Điều 2: **Điều kiện của Người Được Bảo Hiểm**

- 2.1 Người Được Bảo Hiểm là những người ngồi trên Xe Cơ Giới bao gồm Lái Xe và/hoặc Người Trên Xe. Trường hợp pháp luật có quy định giới hạn tối đa độ tuổi của Lái Xe, độ tuổi của Lái Xe thực hiện theo quy định pháp luật.
- 2.2 Người Được Bảo Hiểm phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau tại thời điểm tham gia bảo hiểm:
- Không bị tâm thần, phong;
 - Không bị Thương Tật Vĩnh Viễn từ 50% trở lên.

Điều 3: **Quyền lợi bảo hiểm**

- 3.1 **Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương Tật Vĩnh Viễn**
Khi quyền lợi bảo hiểm này là một phần của Hợp Đồng Bảo Hiểm, trong Thời Hạn Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm bị tử vong (bao gồm cả trường hợp tử vong trong thời gian Nằm Viện để điều trị Thương Tật Thân Thể do Tai Nạn)

hoặc Thương Tật Vĩnh Viễn do Tai Nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, Công Ty Bảo Hiểm sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm này như sau:

- Trường hợp Người Được Bảo Hiểm bị tử vong: Số tiền chi trả bằng 100% Số Tiền Bảo Hiểm của quyền lợi này được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- Trường hợp Người Được Bảo Hiểm bị Thương Tật Vĩnh Viễn:
- Số tiền chi trả = Tỷ lệ chi trả (%) x Số Tiền Bảo Hiểm của quyền lợi này được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm. Trong đó: Tỷ lệ chi trả được xác định theo Bảng Tỷ Lệ Chi Trả Thương Tật.

Trường hợp Người Được Bảo Hiểm bị Tai Nạn dẫn đến Thương Tật Bộ Phận Vĩnh Viễn đã được trả tiền bảo hiểm, trong vòng 365 ngày kể từ ngày xảy ra Tai Nạn, Người Được Bảo Hiểm bị tử vong do hậu quả của chính Tai Nạn đó, Công Ty Bảo Hiểm sẽ trả phần chênh lệch giữa Số Tiền Bảo Hiểm ghi trong Hợp Đồng Bảo Hiểm với số tiền đã trả trước đó.

3.2 **Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật Tạm Thời**

Khi quyền lợi bảo hiểm này là một phần của Hợp Đồng Bảo Hiểm, trong Thời Hạn Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm bị Thương Tật Tạm Thời do Tai Nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, Công Ty Bảo Hiểm sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm này như sau:

Số tiền chi trả = Tỷ lệ chi trả (%) x Số Tiền Bảo Hiểm của quyền lợi này được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Trong đó: Tỷ lệ chi trả được xác định theo Bảng Tỷ Lệ Chi Trả Thương Tật.

3.3 **Quyền lợi bảo hiểm Chi Phí Y Tế**

Khi quyền lợi bảo hiểm này là một phần của Hợp Đồng Bảo Hiểm, trong Thời Hạn Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm bị Tai Nạn thuộc phạm vi bảo hiểm và phải điều trị các Thương Tật Thân Thể, Công Ty Bảo Hiểm sẽ chi trả các Chi Phí Y Tế thực tế, hợp lý phát sinh (bao gồm điều trị đối với răng tự nhiên, đang chắc bị tổn hại do Tai Nạn) nhưng không vượt quá Số Tiền Bảo Hiểm của quyền lợi này được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

3.4 **Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp thu nhập**

Khi quyền lợi bảo hiểm này là một phần của Hợp Đồng Bảo Hiểm, trong Thời Hạn Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm bị Tai Nạn thuộc phạm vi bảo hiểm và phải Nằm Viện để điều trị các Thương Tật Thân Thể, Công Ty Bảo Hiểm sẽ chi trả cho Người Được Bảo Hiểm số tiền trợ cấp dựa trên số ngày Nằm Viện (tính từ ngày Nằm Viện đầu tiên cho đến ngày Nằm Viện cuối cùng) để trợ cấp thu thập cho Người Được Bảo Hiểm trong thời gian Nằm Viện. Giới hạn số tiền trợ cấp cho mỗi ngày Nằm Viện và giới hạn số ngày tối đa được trợ cấp được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Tổng Số Tiền Bảo Hiểm Công Ty Bảo Hiểm trợ cấp cho Người Được Bảo Hiểm trong thời gian Nằm Viện được tính bằng (=) Số tiền trợ cấp cho mỗi ngày Nằm Viện nhân (x) Số ngày Nằm Viện.

Việc chi trả sẽ được thực hiện sau khi kết thúc thời gian Nằm Viện.

3.5 Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp Nằm Viện

Khi quyền lợi bảo hiểm này là một phần của Hợp Đồng Bảo Hiểm, trong Thời Hạn Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm bị Tai Nạn thuộc phạm vi bảo hiểm và phải Nằm Viện (bao gồm trường hợp phẫu thuật và không phẫu thuật) để điều trị các Thương Tật Thân Thể, Công Ty Bảo Hiểm sẽ chi trả cho Người được bảo hiểm số tiền trợ cấp dựa trên số ngày Nằm Viện (tính từ ngày Nằm Viện đầu tiên cho đến ngày Nằm Viện cuối cùng) để trợ cấp chi phí Nằm Viện cho Người Được Bảo Hiểm trong thời gian Nằm Viện.

Giới hạn số tiền trợ cấp cho mỗi ngày Nằm Viện và giới hạn số ngày tối đa được trợ cấp được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Số Tiền Bảo Hiểm Công Ty Bảo Hiểm trợ cấp cho Người Được Bảo Hiểm trong thời gian Nằm Viện được tính bằng (=) Số tiền trợ cấp cho mỗi ngày Nằm Viện nhân (x) Số ngày Nằm Viện.

Việc chi trả sẽ được thực hiện sau khi kết thúc thời gian Nằm Viện.

Điều 4: Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Công Ty Bảo Hiểm sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 3, nếu Tai Nạn xảy ra có nguyên nhân từ bất kỳ sự kiện nào sau đây:

- 4.1 Chiến tranh (có tuyên bố hay không), khủng bố, bạo loạn, đình công;
- 4.2 Động đất, núi lửa, nhiễm phóng xạ, vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học;
- 4.3 Người Được Bảo Hiểm là Lái Xe có sử dụng rượu/bia có nồng độ cồn trong máu vượt quá quy định của pháp luật hiện hành, sử dụng trái phép ma túy, các chất kích thích. Các chất kích thích được hiểu theo Quy Tắc Điều Khoản này là các chất mà Người Được Bảo Hiểm sử dụng để gây nghiện, gây tê liệt thần kinh, làm mất kiểm soát hành động của bản thân mà pháp luật nghiêm cấm;
- 4.4 Người Được Bảo Hiểm bị tử vong, Thương Tật Thân Thể do nguyên nhân trực tiếp từ cảm đột ngột, trúng gió; bệnh tật; thai sản; bệnh nghề nghiệp; những tai biến trong quá trình điều trị bệnh và thai sản; ngộ độc thức ăn, đồ uống; hoặc hít phải hơi độc, khí độc, chất độc;
- 4.5 Tạo hình thẩm mỹ, chỉnh hình, phục hồi chức năng; chi phí để có được và lắp ghép làm giả các bộ phận cơ thể (như chân giả, tay giả, mắt giả, răng giả...);
- 4.6 Do lỗi cố ý của Bên Mua Bảo Hiểm hoặc lỗi cố ý của Người Được Bảo Hiểm;
- 4.7 Người Được Bảo Hiểm đưa xe (dù hợp pháp hay trái phép);
- 4.8 Người Được Bảo Hiểm là Lái Xe đi xe vào đường cấm, đi ngược chiều, đi lùì trên đường cao tốc (trừ các trường hợp được ưu tiên theo quy định pháp luật);
- 4.9 Người Được Bảo Hiểm là Lái Xe điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại Xe Cơ Giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp Lái Xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe;

- 4.10 Người Được Bảo Hiểm vi phạm luật hình sự; Người Được Bảo Hiểm tham gia đánh nhau hoặc Hành Hung người khác, trừ phi được xác nhận đó là hành động tự vệ.

Điều 5: **Chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm**

5.1 **Chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm theo quy định pháp luật**

Hợp Đồng Bảo hiểm theo Quy Tắc Điều Khoản này sẽ chấm dứt vào thời điểm sớm nhất trong những thời điểm sau đây:

- a) Thời điểm kết thúc Thời Hạn Bảo Hiểm; hoặc
- b) Thời điểm Người Được Bảo Hiểm bị tử vong hoặc Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn do Tai Nạn; hoặc
- c) Các thời điểm chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm khác theo các quy định cụ thể trong Quy Tắc Điều Khoản này (nếu có) và/hoặc các quy định pháp luật.

5.2 **Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm**

- a) Bên Mua Bảo Hiểm có thể đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm bằng việc gửi thông báo (bằng văn bản, email hoặc bằng các hình thức khác phù hợp quy định của pháp luật) cho Công Ty Bảo Hiểm trước ít nhất 15 ngày. Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày đến sau của một trong hai ngày sau: (i) Ngày Công Ty Bảo Hiểm nhận được thông báo yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm trước thời hạn của Bên Mua Bảo Hiểm; hoặc (ii) Ngày Bên Mua Bảo Hiểm mong muốn chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm thể hiện trong thông báo yêu cầu chấm dứt. Trong trường hợp này, Công Ty Bảo Hiểm sẽ hoàn lại cho Bên Mua Bảo Hiểm 80% số phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm hoặc một tỷ lệ khác lớn hơn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Hiểm, với điều kiện Công Ty Bảo Hiểm chưa giải quyết bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào của Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- b) Công Ty Bảo Hiểm có thể đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm bằng việc gửi thông báo (bằng văn bản, email hoặc bằng các hình thức khác phù hợp quy định của pháp luật) cho Bên Mua Bảo Hiểm trước ít nhất 15 ngày. Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Công Ty Bảo Hiểm mong muốn chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm thể hiện trong thông báo yêu cầu chấm dứt. Trường hợp này, Công Ty Bảo Hiểm sẽ hoàn lại cho Bên Mua Bảo Hiểm toàn bộ số phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm, với điều kiện Công Ty Bảo Hiểm chưa giải quyết bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào của Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Điều 6: **Phí bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm**

Phí bảo hiểm được tính theo quy định tại biểu phí bảo hiểm đính kèm Quy Tắc Điều Khoản này. Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán phí bảo hiểm được thỏa thuận cụ thể tại Hợp Đồng Bảo Hiểm, phù hợp với quy định Pháp luật.

Điều 7: **Những thay đổi liên quan đến việc tham gia bảo hiểm**

- 7.1 Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm kê khai sai các thông tin liên quan đến Người Được Bảo Hiểm tại Hợp Đồng Bảo Hiểm, Bên Mua Bảo Hiểm có trách nhiệm thông báo lại thông tin chính xác cho Công Ty Bảo Hiểm. Công Ty Bảo Hiểm sẽ cấp cho Bên Mua Bảo Hiểm sửa đổi, bổ sung (đính kèm Hợp Đồng Bảo Hiểm đã cấp) để cập nhật lại các thông tin liên quan do Bên Mua Bảo Hiểm thông báo.
- 7.2 Trong trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm cung cấp nhầm lẫn/thông báo sai Tuổi của Người Được Bảo Hiểm (Tuổi đúng của Người Được Bảo Hiểm không nằm trong độ Tuổi quy định tại Khoản 2.1 Điều 2) dẫn đến việc Công Ty Bảo Hiểm chấp nhận bảo hiểm, Công Ty Bảo Hiểm có quyền huỷ bỏ Hợp Đồng Bảo Hiểm và không giải quyết bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào cho Người Được Bảo Hiểm đó. Trong trường hợp này, Công Ty Bảo Hiểm sẽ hoàn lại cho Bên Mua Bảo Hiểm 80% số phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm, với điều kiện Công Ty Bảo Hiểm chưa giải quyết bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào của Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- 7.3 Công Ty Bảo Hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp Đồng Bảo Hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện Hợp Đồng Bảo Hiểm khi Bên Mua Bảo Hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm để được trả tiền bảo hiểm.

Điều 8: **Các quyền và nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm**

- 8.1 **Quyền của Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm**
- a) Yêu cầu Công Ty Bảo Hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm;
 - b) Yêu cầu Công Ty Bảo Hiểm trả tiền bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm khi xảy ra Tai Nạn;
 - c) Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng Bảo Hiểm theo quy định pháp luật;
 - d) Trong trường hợp Công Ty Bảo Hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm, Bên Mua Bảo Hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp Đồng Bảo Hiểm, yêu cầu Công Ty Bảo Hiểm bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên Mua Bảo Hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 8.2 **Nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm**
- a) Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm;
 - b) Kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết có liên quan đến Hợp Đồng Bảo Hiểm theo yêu cầu của Công Ty Bảo Hiểm;

- c) Thông báo cho Công Ty Bảo Hiểm về việc xảy ra Tai Nạn theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: **Các quyền và nghĩa vụ của Công Ty Bảo Hiểm**

9.1 **Các quyền của Công Ty Bảo Hiểm:**

- a) Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- b) Yêu cầu Bên Mua Bảo Hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- c) Đơn phương đình chỉ, chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm theo quy định pháp luật;
- d) Từ chối giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2 **Các nghĩa vụ của Công Ty Bảo Hiểm:**

- a) Giải thích cho Bên Mua Bảo Hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm;
- b) Giải quyết quyền lợi bảo hiểm khi xảy ra Tai Nạn theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- c) Giải thích bằng văn bản lý do từ chối trả tiền bảo hiểm;
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10: **Giải quyết quyền lợi bảo hiểm**

10.1 **Nguyên tắc chi trả quyền lợi bảo hiểm**

Công Ty Bảo Hiểm sẽ trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 3 Quy Tắc Điều Khoản này cho Người Được Bảo Hiểm hoặc Người Thụ Hưởng. Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm không chỉ định Người Thụ Hưởng, Công Ty Bảo Hiểm sẽ trả tiền bảo hiểm cho Người Được Bảo Hiểm hoặc đại diện của họ. Trường hợp Người Được Bảo Hiểm, Người Thụ Hưởng tử vong, Công ty bảo hiểm sẽ trả tiền bảo hiểm cho người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật.

10.2 **Thời hạn thông báo Tai Nạn**

Trong trường hợp xảy ra Tai Nạn, Bên Mua Bảo Hiểm hoặc Người Được Bảo Hiểm hoặc người đại diện theo pháp luật của họ phải thông báo ngay cho Công Ty Bảo Hiểm về việc xảy ra Tai Nạn và thông báo bằng văn bản cho Công ty Bảo Hiểm trong vòng 30 ngày kể từ thời điểm xảy ra Tai Nạn, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

10.3 Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Bên Mua Bảo Hiểm hoặc Người Được Bảo Hiểm hoặc người đại diện theo pháp luật của họ phải gửi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Công Ty Bảo Hiểm trong thời hạn 1 năm kể từ thời điểm xảy ra sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

10.4 Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Người Được Bảo Hiểm hoặc Người Thụ Hưởng (hoặc người đại diện của họ) bằng chi phí của mình, thu thập và cung cấp cho Công Ty Bảo Hiểm hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm gửi cho Công Ty Bảo Hiểm là bản chính. Trường hợp không cung cấp được bản chính, có thể cung cấp bản sao y bản chính hợp lệ. Trong mọi trường hợp, Công Ty Bảo Hiểm có quyền yêu cầu cung cấp bản chính để kiểm tra. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:

1. Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo mẫu do Công Ty Bảo Hiểm cung cấp (bản gốc);
2. Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm (bản gốc hoặc bản sao);
3. Hồ sơ Tai nạn
 - ✓ Trường hợp có hồ sơ công an: Hồ sơ công an bao gồm kết luận điều tra/biên bản giải quyết Tai nạn giao thông (bản sao).
 - ✓ Trường hợp không có hồ sơ công an: Biên bản Tai nạn thể hiện rõ nguyên nhân, thời gian, địa điểm có xác nhận thông tin của người làm chứng hoặc cơ quan/chính quyền địa phương/công an nơi xảy ra tai nạn theo hướng dẫn của Công ty bảo hiểm (bản gốc).
 - ✓ Biên bản giám định Tai nạn (bản gốc, nếu có).
 - ✓ Giấy phép lái xe, đăng ký xe (trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm là Lái Xe) (bản sao).
4. Giấy tờ tùy thân của Người Được Bảo Hiểm/Người Thụ Hưởng/Người Thừa kế hợp pháp/Người được ủy quyền nhận quyền lợi bảo hiểm (bản gốc hoặc bản sao).
5. Hồ sơ liên quan đến tử vong, thương tật vĩnh viễn
 - ✓ Trích lục khai tử (Giấy chứng tử) của Người được bảo hiểm (bản sao);
 - ✓ Giấy tờ chứng minh người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm nếu không có chỉ định Người thụ hưởng tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong (bản gốc hoặc bản sao);
 - ✓ Chứng từ y tế điều trị chứng minh tình trạng thương tật vĩnh viễn (đối với trường hợp mất/ đứt rời/ cắt đứt) hoặc giấy tờ xác nhận/chứng minh tình trạng thương tật vĩnh viễn của cơ quan có thẩm quyền (bản gốc hoặc bản sao).
6. Hồ sơ yêu cầu giải quyết cụ thể khác đối với quyền lợi bảo hiểm Thương Tật Tạm Thời, Chi Phí Y Tế, Trợ cấp Nằm Viện
 - ✓ Chứng từ y tế điều trị (bản gốc hoặc bản sao): Phiếu khám, sổ khám/sổ y bạ; Trích sao bệnh án; Toa thuốc, đơn thuốc; Chỉ định, kết quả cận

lâm sàng; Giấy ra viện; Giấy chứng nhận phẫu thuật/phiếu mổ; Kết quả các xét nghiệm/ chiếu chụp; tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Công Ty Bảo Hiểm để làm rõ hồ sơ. Chứng từ y tế phải ghi rõ thông tin Cơ Sở Y Tế điều trị, tên Người Được Bảo Hiểm, thời gian điều trị, thời gian Nằm Viện, chẩn đoán và chữ ký, đóng dấu của Cơ Sở Y Tế.

- ✓ Đối với quyền lợi Chi Phí Y Tế, cung cấp thêm hồ sơ, chứng từ thanh toán (bản gốc): Hóa đơn tài chính, hóa đơn bán lẻ, phiếu thu, biên lai thu tiền; Bảng kê chi tiết viện phí (có thể hiện chi phí giường nằm).

Trường hợp xác minh, để phục vụ cho việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm, Công Ty Bảo Hiểm có thể:

- ✓ Trường hợp Công Ty Bảo Hiểm cần làm rõ hồ sơ, Công Ty Bảo Hiểm có quyền yêu cầu làm rõ các hồ sơ do Bên Mua Bảo Hiểm, Người Được Bảo Hiểm, Người Thụ Hưởng hoặc đại diện theo pháp luật của họ cung cấp.
- ✓ Yêu cầu Người Được Bảo Hiểm thực hiện các giám định y khoa do Công Ty Bảo Hiểm chỉ định;
- ✓ Yêu cầu giám định pháp y trong trường hợp tử vong, nếu cần thiết và được pháp luật cho phép.

Công Ty Bảo Hiểm sẽ chi trả chi phí cho việc giám định/ xác nhận y tế bổ sung này. Công Ty Bảo Hiểm sẽ không giải quyết quyền lợi bảo hiểm nếu Người Được Bảo Hiểm không thực hiện các yêu cầu trên, trừ khi Người Được Bảo Hiểm có lý do chính đáng và được pháp luật cho phép.

10.5 Thời hạn trả tiền bảo hiểm:

Khi xảy ra Tai Nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, Công Ty Bảo Hiểm trả tiền bảo hiểm theo thời hạn đã thỏa thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm. Trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn, Công Ty Bảo Hiểm sẽ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ.

Trường hợp từ chối chi trả tiền bảo hiểm, Công Ty Bảo Hiểm phải thông báo bằng văn bản lý do từ chối chi trả trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Điều 11: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

- 11.1 Thời hiệu khởi kiện về Hợp Đồng Bảo Hiểm là ba năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
- 11.2 Luật áp dụng để điều chỉnh Quy Tắc Điều Khoản này là pháp luật Việt Nam.
- 11.3 Khi xảy ra tranh chấp liên quan đến Hợp Đồng Bảo Hiểm mà các bên không thể giải quyết được bằng thương lượng, một trong các bên có thể khởi kiện tại một Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để yêu cầu giải quyết tranh chấp đó.

PHỤ LỤC 1

BẢNG TỶ LỆ CHI TRẢ THƯƠNG TẬT

SẢN PHẨM BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ NGƯỜI TRÊN XE

(Được phê chuẩn theo Công văn số 14637/BTC-QLBH ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính và được ban hành theo Quyết định số 116/2019/QĐ-TGD ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc)

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
	THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN		
1	Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt		100%
2	Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được		100%
3	Hồng hoàn toàn chức năng nhai và nói		100%
4	Mất hoặc liệt hoàn toàn hai tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc hai chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)		100%
5	Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân, hoặc mất một cánh tay và một bàn chân, hoặc một cánh tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một bàn chân		100%
6	Mất hoàn toàn khả năng lao động và làm việc (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)		100%
7	Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia		100%
	THƯƠNG TẬT THÂN THỂ		
	A. Chi trên		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
8	Mất một cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	75	85
9	Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	70	80
10	Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)	65	75
11	Mất trọn một bàn tay hay năm ngón tay của một bàn	60	70
12	Mất 4 ngón tay trên một bàn	40	50
13	Mất ngón cái và ngón trỏ	35	45
14	Mất 3 ngón tay: Ngón trỏ, ngón giữa và ngón đeo nhẫn	30	35
15	Mất 1 ngón cái và 2 ngón khác	35	40
16	Mất 1 ngón cái và 1 ngón khác	30	35
17	Mất 1 ngón trỏ và 1 ngón giữa	35	40
18	Mất 1 ngón trỏ và 2 ngón khác	30	35
19	Mất 1 ngón cái và 1 đốt bàn	25	30
	- Mất 1 ngón cái	20	25
	- Mất cả đốt ngoài	10	15
	- Mất 1/2 đốt ngoài	7	10
20	Mất 1 ngón trỏ và 1 đốt bàn	20	25
	- Mất 1 ngón trỏ	18	22
	- Mất 2 đốt 2 và 3	10	12
	- Mất đốt 3	8	10

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
21	Mất trọn 1 ngón giữa hoặc ngón đeo nhẫn (cả 1 đốt bàn)	18	22
	- Mất 1 ngón giữa hoặc 1 ngón nhẫn	15	18
	- Mất 2 đốt 2 và 3	8	12
	- Mất đốt 3	4	7
22	Mất hoàn toàn 1 ngón út và đốt bàn	15	20
	- Mất cả ngón út	10	15
	- Mất 2 đốt 2 và 3	8	10
	- Mất đốt 3	4	7
23	Cứng khớp bả vai	25	35
24	Cứng khớp khuỷu tay	25	35
25	Cứng khớp cổ tay	25	35
	Thương tật tạm thời		
26	Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25	35
27	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu		
	- Can tốt, cử động bình thường	15	25
	- Can xấu, hạn chế cử động khớp	30	45
28	Gãy xương cánh tay		
	- Can tốt, cử động bình thường	15	25
	- Can xấu, teo cơ	25	30
29	Gãy 2 xương cẳng tay		
	- Can tốt, cử động bình thường	12	18
	- Không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20	25
30	Gãy 1 xương quay hoặc trụ		
	- Can tốt, cử động bình thường	10	15
	- Can xấu, hạn chế cử động sấp	15	20
31	Khớp giả 2 xương	25	35
32	Khớp giả 1 xương	15	20
33	Gãy đầu dưới xương quay		
	- Can tốt, cử động bình thường	10	14
	- Can xấu, hạn chế động tác cổ	15	18
34	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ		
	- Can tốt, cử động bình thường	8	12
	- Can xấu, hạn chế cử động cổ tay	12	15
35	Gãy xương cổ tay		
	- Can tốt, cử động bình thường	10	13
	- Can xấu, hạn chế cử động cổ tay	15	18
36	Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	8	15
37	Gãy xương đòn		
	- Can tốt	8	12
	- Can xấu, cứng vai	18	25
	- Có chèn ép thần kinh mũ	30	35
38	Gãy xương bả vai		
	- Gãy vỡ, khuyết phần thân xương	10	15
	- Gãy vỡ ngành ngang	17	22
	- Gãy vỡ phần khớp vai	30	40

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
39	Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón)	3	12
	B. Chi dưới		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
40	Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	75	85
41	Cắt cụt 1 đùi		
	- 1/3 trên	70	80
	- 1/3 giữa hoặc dưới	55	75
42	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	60	70
43	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	55	65
44	Mất xương sên	35	40
45	Mất xương gót	35	45
46	Mất đoạn xương chày, mác gậy khớp giả cẳng chân	35	45
47	Mất đoạn xương mác	20	30
48	Mất mắt cá chân		
	- Mất cá ngoài	10	15
	- Mất cá trong	15	20
49	Mất cả 5 ngón chân	45	55
50	Mất 4 ngón cả ngón cái	38	48
51	Mất 4 ngón trừ ngón cái	35	45
52	Mất 3 ngón, 3-4-5	25	30
53	Mất 3 ngón, 1-2-3	30	35
54	Mất 1 ngón cái và ngón 2	20	25
55	Mất 1 ngón cái	15	20
56	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	10	15
57	Mất 1 đốt ngón cái	8	12
58	Cứng khớp háng	45	55
59	Cứng khớp gối	30	40
60	Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45	55
61	Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi		
	- ít nhất 5 cm	40	45
	- từ 3 - 5 cm	35	40
62	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	35	45
63	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	25	35
	Thương tật tạm thời		
64	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới		
	- Can tốt	20	30
	- Can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	30	40
65	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi		
	- Can tốt, trục thẳng	25	35
	- Can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	35	45
66	Khớp giả cổ xương đùi	45	55
67	Gãy 2 xương cẳng chân		
	- Can tốt, trục thẳng	20	25
	- Can xấu, chân vẹo	25	30
68	Gãy xương chày		
	- Can tốt, trục thẳng	15	18

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
	- Can xấu, chân vẹo	18	22
69	Gãy đoạn mâm chày	15	25
70	Gãy xương mác	10	20
71	Đứt gân bánh chè	15	25
72	Vỡ xương bánh chè (trường hợp mổ thanh toán tối đa)	10	20
73	Vỡ xương bánh chè bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu (tùy theo mức độ)	25	30
74	Đứt gân Achilles (đã nối lại)	15	20
75	Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	7	12
76	Vỡ xương gót	15	25
77	Gãy xương thuyền	15	22
78	Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón)	4	12
79	Gãy ngành ngang xương mu	25	32
80	Gãy ụ ngồi	25	30
81	Gãy xương cánh chậu 1 bên	20	30
82	Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu (tùy mức độ ảnh hưởng đến sinh đẻ)	40	60
83	Gãy xương cụt		
	- Không rối loạn cơ tròn	10	15
	- Có rối loạn cơ tròn	25	35
	C. Cột sống		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
84	Cắt bỏ cung sau		
	- Của một đốt sống	35	40
	- Của 2-3 đốt sống trở lên	45	60
	Thương tật tạm thời		
85	Gãy xẹp thân 1 đốt sống (không liệt tủy)	30	40
86	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên (không liệt tủy)	45	60
87	Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên		
	- Của 1 đốt sống	10	17
	- Của 2-3 đốt sống	25	45
	D. Sọ não		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
88	Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)		
	- Đường kính dưới 6 cm	25	40
	- Đường kính từ 6 - 10 cm	40	60
	- Đường kính trên 10 cm	50	70
89	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não		
	- Nói ngọng, nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	30	40
	- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	60	70
	- Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết (Mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	55	70
	Thương tật tạm thời		
90	Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ)	45	55
91	Vết thương sọ não hở		

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
	- Xương bị nứt rạn	40	50
	- Lún xương sọ	30	40
	- Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	50	60
92	Chấn thương sọ não kín		
	- Vỡ vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương)	20	30
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, không có liệt dây thần kinh ở nền sọ	30	40
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, liệt dây thần kinh ở nền sọ	40	50
93	Chấn thương sọ não		
	- Chấn động não	8	15
	- Phù não	40	50
	- Giập não, dẹt não	50	60
	- Chảy máu khoang dưới nhện	40	50
	- Máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	30	40
	E. Lồng ngực		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
94	Cắt bỏ 1-2 xương sườn	15	20
95	Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên	25	35
96	Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn	8	10
97	Cắt toàn bộ một bên phổi	70	80
98	Cắt nhiều thủy phổi ở 2 bên, DTS giảm trên 50%	65	75
99	Cắt nhiều thủy phổi ở 1 bên	50	60
100	Cắt 1 thủy phổi	35	45
	Thương tật tạm thời		
101	Gãy 1-2 xương sườn	7	12
102	Gãy 3 xương sườn trở lên	15	25
103	Gãy xương ức đơn thuần (chức năng phân tim và hô hấp bình thường)	15	20
104	Mẻ hoặc rạn xương ức	10	15
105	Tràn dịch, kí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)	4	10
106	Tràn khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu mổ cầm máu)	20	30
107	Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	50	60
108	Khâu màng ngoài tim		
	- Phẫu thuật kết quả hạn chế	60	70
	- Phẫu thuật kết quả tốt	35	45
	G. Bụng		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
109	Cắt toàn bộ dạ dày	75	85
110	Cắt đoạn dạ dày	50	60
111	Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1m)	75	85
112	Cắt đoạn ruột non	40	50
113	Cắt toàn bộ đại tràng	75	85
114	Cắt đoạn đại tràng	50	60
115	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	70	80

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
116	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	60	70
117	Cắt phần thủy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật	40	60
118	Cắt bỏ túi mật	45	55
119	Cắt bỏ lá lách	40	50
120	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	60	70
	Thương tật tạm thời		
121	Khâu lỗ thủng dạ dày	25	35
122	Khâu lỗ thủng ruột non (tùy theo mức độ 1 lỗ hay nhiều lỗ thủng)	30	45
123	Khâu lỗ thủng đại tràng	30	40
124	Đụng rập gan, khâu gan	35	45
125	Khâu vỏ lá lách	25	35
126	Khâu tụy	30	35
	H. Cơ quan tiết niệu, sinh dục		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
127	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	50	60
128	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý	70	80
129	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	30	40
130	Chấn thương thận (tùy theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)		
	- Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	4	8
	- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	10	15
	- Nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa)	47	55
131	Cắt 1 phần bàng quang	27	35
132	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người		
	- Dưới 55 tuổi chưa có con	70	80
	- Dưới 55 tuổi có con rồi	55	65
	- Trên 55 tuổi	35	40
133	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người		
	- Dưới 45 tuổi chưa có con	60	70
	- Dưới 45 tuổi có con rồi	30	40
	- Trên 45 tuổi	25	30
134	Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi:		
	- 1 bên	20	30
	- 2 bên	45	55
	Trên 45 tuổi:		
	- 1 bên	15	20
	- 2 bên	30	40
	Thương tật tạm thời		
135	Chấn thương thận (tùy theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)		
	- Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	4	8
	- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	10	15
	- Nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa)	47	55
136	Mổ thông bàng quang vĩnh viễn	70	80
137	Khâu lỗ thủng bàng quang	30	35

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
	I. Mắt		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
138	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt		
	- Không lắp được mắt giả	55	65
	- Lắp được mắt giả	50	60
139	Một mắt thị lực còn đến 1/10	30	45
140	Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	12	20
141	Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	7	15
142	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn đã mất hoặc mù một mắt	80	90
	K. Tai - Mũi - Họng		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
143	Điếc 2 tai		
	- Hoàn toàn không phục hồi được	75	85
	- Nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	60	70
	- Vừa (nói to 1-2 m còn nghe)	35	45
	- Nhẹ (nói to 2-4 m còn nghe)	15	25
144	Điếc 1 tai		
	- Hoàn toàn không phục hồi được	30	40
	- Vừa	15	20
	- Nhẹ	8	15
145	Mất vành tai 2 bên	20	40
146	Mất vành tai 1 bên	10	25
147	Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20	25
148	Mất mũi, biến dạng mũi	18	40
149	Vết thương hang sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	20	40
	L. Răng - Hàm - Mặt		
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn		
150	Mất 1 phần xương hàm trên và 1 phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến 1/2 bị mất) từ cạnh cao trở xuống		
	- Khác bên	80	90
	- Cùng bên	70	80
151	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70	80
152	Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến 1/2 bị mất) từ cạnh cao trở xuống	35	45
153	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết tật xương	20	25
154	Mất răng		
	- Trên 8 cái không lắp được răng giả	30	40
	- Từ 5 - 7 răng	15	25
	- Từ 3 - 4 răng	8	12
	- Từ 1 - 2 răng	3	6
155	Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	75	85
156	Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	50	60
157	Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15	25
158	Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10	15
	Thương tật tạm thời		

Số TT	Quyền lợi	Tỷ lệ chi trả (tỷ lệ phần trăm trên Số tiền bảo hiểm (%))	
		Tối thiểu	Tối đa
159	Gãy xương hàm trên và hàm dưới can xấu gây sai khớp cắn nhai, ăn khó	30	35
160	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	15	25
	M. Vết thương phần mềm, bỏng		
	Thương tật tạm thời		
161	Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp... không ảnh hưởng tới cơ năng (tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít)		
	- Vết thương không rách da ngoài vùng mặt	0.5	1
	- Vết thương không rách da tại vùng mặt	1	1.5
	- Vết thương rách da ngoài vùng mặt, đầu, khâu dưới 5 mũi	2	3
	- Vết thương rách da ngoài vùng mặt, đầu, khâu trên 5 mũi	3	5
	- Vết thương rách da vùng đầu, mặt, khâu dưới 5 mũi	3	5
	- Vết thương rách da vùng đầu, mặt, khâu trên 5 mũi	5	7
	- Bong gân hoặc sai khớp cổ tay, cổ chân, khớp gối, khớp khuỷu hoặc tương đương	4	6
	- Bong gân hoặc sai khớp bàn ngón tay, bàn ngón chân	3	3
	- Súc vật cắn, đốt (chó, mèo, ong, rắn...) tiêm vắc xin	0.5	6
	- Súc vật cắn, đốt (chó, mèo, ong, rắn...) truyền huyết thanh	0.5	12
162	VTPM gây đau, rát, tê, co kéo (tùy theo mức độ rộng, hẹp, nhiều, ít), ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn, thần kinh	12	25
163	VTPM ở ngực, bong ảnh hưởng đến hô hấp	35	45
164	VTPM để lại sẹo xơ cứng làm biến dạng mắt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	40	60
165	VTPM khuyết hổng lớn ở xung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống	50	60
166	Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	20	30
167	Bỏng nông (độ I, độ II)		
	- Diện tích dưới 5%	3	7
	- Diện tích từ 5 - 15%	10	15
	- Diện tích trên 15%	15	25
168	Bỏng sâu (độ III, độ IV, độ V)		
	- Diện tích dưới 5%	20	35
	- Diện tích từ 5 - 15%	35	60
	- Diện tích trên 15%	60	80

NGUYÊN TẮC XÉT TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc xét giải quyết trả tiền theo bảng này sẽ căn cứ vào Hồ Sơ Giải Quyết Yêu Cầu Bảo Hiểm và các quy định dưới đây:

1- Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.

2- Những trường hợp thương tật tạm thời không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỉ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.

3- Vết thương điều trị bình thường, vết thương không bị nhiễm trùng sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm qui định cho trường hợp này.

4- Vết thương điều trị phức tạp, vết thương bị nhiễm trùng hoặc sau khi điều trị còn để lại di chứng thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm qui định cho trường hợp này.

5- Trường hợp đa vết thương được trả tiền bảo hiểm cho từng vết thương nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá Hạn mức trách nhiệm. Trường hợp đa vết thương ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các vết thương không được vượt quá tỉ lệ mất chi đó.

6- Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% mức tối thiểu của thang tỉ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá tỷ lệ tối đa của thương tật này.

7- Trường hợp bị dính các khớp ngón tay (trừ ngón cái và ngón trỏ) và các khớp ngón chân (trừ ngón cái) thì số tiền bồi thường chỉ bằng 50% số tiền bồi thường quy định trong trường hợp cụt ngón đó.

8- Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm bị Tai Nạn thuộc phạm vi bảo hiểm và Người Được Bảo Hiểm đã được Công Ty Bảo Hiểm chi trả các quyền lợi liên quan đến Thương Tật Thân Thể, trong vòng 365 ngày kể từ ngày xảy ra Tai Nạn, tình trạng thương tật của bộ phận đã được Công Ty Bảo Hiểm chi trả quyền lợi bảo hiểm trước đây trở lên nặng hơn do hậu quả của chính Tai Nạn đó, Công Ty Bảo Hiểm sẽ chi trả số tiền chênh lệch giữa số tiền tương ứng với tình trạng thương tật nặng hơn so với số tiền đã trả trước đây cho bộ phận thương tật đó.

ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG

Điều khoản bổ sung 01: **Bảo hiểm thiệt hại Giấy tờ tùy thân, Thẻ Ngân hàng**

Trên cơ sở Quy tắc điều khoản bảo hiểm Tai Nạn Lái Xe và Người Trên, nếu Bên mua bảo hiểm yêu cầu và nộp phí theo thỏa thuận, Công ty bảo hiểm sẽ bảo hiểm cho Người được bảo hiểm là Lái xe và/ hoặc Người trên xe theo điều khoản bổ sung dưới đây:

1. **Quyền lợi và phạm vi bảo hiểm**

a) Phạm vi bảo hiểm

Trong thời hạn bảo hiểm, trường hợp Người được bảo hiểm bị thiệt hại (mất hoặc hư hỏng) Giấy tờ tùy thân, Thẻ Ngân hàng do một trong các nguyên nhân: trộm, cướp, thiên tai (động đất, bão, lũ, lụt), tai nạn trong thời gian di chuyển trên xe, Công ty bảo hiểm sẽ chi trả Chi phí phát sinh thực tế để làm lại Giấy tờ tùy thân, Thẻ ngân hàng của Người được bảo hiểm nhưng tối đa không vượt quá Số tiền bảo hiểm quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.

b) Công ty bảo hiểm không bồi thường trong trường hợp sau

Công ty bảo hiểm không chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp sau:

- Do lỗi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm;
- Chiến tranh (có tuyên bố hay không), khủng bố, bạo loạn, đình công;
- Nhiễm phóng xạ, vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học;
- Các trường hợp khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

2. **Hồ sơ yêu cầu bồi thường**

a) Bản gốc Giấy yêu cầu bồi thường được kê khai chi tiết theo mẫu của Công ty bảo hiểm;

b) Bản gốc Chứng từ thu lệ phí cấp lại Giấy tờ tùy thân (trường hợp bị mất/ hỏng Giấy tờ tùy thân)

c) Bản gốc Chứng từ thu phí cấp lại thẻ ngân hàng (trường hợp bị mất/ hỏng thẻ ngân hàng);

d) Bản sao hợp pháp Giấy tờ tùy thân còn hiệu lực;

e) Trong trường hợp mất/ hỏng Giấy tờ tùy thân hoặc Thẻ ngân hàng (bao gồm cả nguyên nhân tai nạn hoặc trộm, cướp, thiên tai), NĐBH hoặc người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm thực hiện Quy định tại Điểm 3, Khoản 10.4, Điều 10 của Quy tắc bảo hiểm và ghi rõ nguyên nhân, diễn biến, thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm;

f) Tài liệu khác có liên quan đến việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu của Công ty bảo hiểm (nếu có).

3. **Định nghĩa áp dụng riêng cho điều khoản bổ sung**
- a) **“Giấy tờ tùy thân”** là một trong các giấy tờ sau đây như hộ chiếu, thị thực, chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe, đăng ký xe đứng tên của Người được bảo hiểm.
- b) **“Thẻ ngân hàng”** là phương tiện thanh toán do Tổ chức phát hành thẻ phát hành để thực hiện giao dịch thẻ.
- c) **“Tổ chức phát hành thẻ”** là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện phát hành thẻ.
- d) **“Chi phí để làm lại Giấy tờ tùy thân hoặc Thẻ ngân hàng”** là Lệ phí cấp lại Giấy tờ tùy thân theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Lệ phí cấp lại Thẻ ngân hàng theo quy định của Tổ chức phát hành thẻ.

Điều khoản bổ sung 02: **Bảo hiểm hỗ trợ chuyển đi**

Trên cơ sở Quy tắc điều khoản bảo hiểm Tai Nạn Lái Xe và Người Trên Xe ban hành kèm theo Quyết định số 116/2019/QĐ-TGĐ ngày 12/12/2019 của Tổng Giám đốc (sau đây gọi tắt là “Quy tắc điều khoản”), nếu Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu tham gia Điều khoản bảo hiểm bổ sung 02 – Hỗ trợ Chuyển đi này (sau đây gọi tắt là “Điều khoản bổ sung 02”) cùng một trong các quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều 3 Quy tắc điều khoản và nộp phí bảo hiểm đầy đủ, Công Ty Bảo Hiểm sẽ bảo hiểm cho Người Trên Xe theo Điều khoản bổ sung 02.

Trong trường hợp quy định tại Điều khoản bổ sung 02 khác với quy định tại Quy tắc điều khoản thì áp dụng quy định tại Điều khoản bổ sung 02 để giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Các nội dung khác không được quy định tại Điều khoản bổ sung 02 sẽ được thực hiện theo quy định tại Quy tắc điều khoản.

1. **Các Định nghĩa**
- 1.1 **“Chuyển Đi”** là hành trình được thực hiện bởi Lái Xe và Người Trên Xe, có thời gian và địa điểm bắt đầu, kết thúc thực tế được ghi trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- 1.2 **“Hư Hỏng”** là bất kỳ tổn thất, hủy hoại về mặt vật chất dẫn đến không thể sử dụng được Xe Cơ Giới để tiếp tục thực hiện Chuyển Đi.
- 1.3 **“Cướp”** là hành vi người nào đó dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công (là Lái Xe và/ hoặc Người Trên Xe) lâm vào tình trạng không thể chống cự nhằm mục đích chiếm đoạt Xe Cơ Giới.
2. **Quyền lợi và phạm vi bảo hiểm**
- 2.1 Phạm vi bảo hiểm

Trong quá trình thực hiện Chuyển Đi, nếu Lái Xe không thể tiếp tục thực hiện được Chuyển Đi khi xảy ra các trường hợp sau, OPES sẽ bồi thường cho Người Trên Xe số tiền hỗ trợ Chuyển Đi theo chương trình bảo hiểm được ghi nhận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm:

- (i) Xe Cơ Giới bị Hư Hỏng có nguyên nhân từ một trong các rủi ro được bảo hiểm sau đây:
- ✓ Cháy hoặc nổ;

- ✓ Các rủi ro do thiên tai, thảm họa thiên nhiên (Động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần và sét đánh);
- ✓ Cây gãy đổ, các công trình kiến trúc bị sập đổ bao gồm cầu cống, đường hầm, và các công trình khác;
- ✓ Xe Cơ Giới bị lật đổ, đâm va vào phương tiện khác;
- ✓ Xe Cơ Giới bị Cướp;

(ii) Tai Nạn xảy ra đối với Lái Xe.

Phạm vi lãnh thổ được bảo hiểm là Việt Nam (trừ khi có thỏa thuận khác quy định cụ thể trong Hợp Đồng Bảo Hiểm).

2.2 Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

- Các quy định về loại trừ bảo hiểm tại Điều 4 - Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Quy tắc điều khoản sẽ không áp dụng đối với Điều khoản bổ sung 02.
- OPES sẽ không bồi thường trong trường hợp sự kiện bảo hiểm xảy ra thuộc (hoặc có nguyên nhân từ) bất kỳ sự kiện nào sau đây, dù trực tiếp hay gián tiếp:
 - (i) Do hành động/ lỗi cố ý của Bên Mua Bảo Hiểm hoặc lỗi cố ý của Người Trên Xe.
 - (ii) Chiến tranh, nội chiến, khủng bố, bạo loạn dân sự, đình công, xung đột sắc tộc và các sự kiện mang tính chất chiến tranh khác;
 - (iii) Các vụ nổ hoặc phóng xạ do vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, các trang thiết bị lắp đặt hạt nhân, nguyên tử hay hóa học đi kèm;
- OPES sẽ không bồi thường cho bất kỳ thiệt hại tài chính nào khác ngoài số tiền hỗ trợ Chuyển Đi cho Người Trên Xe phát sinh từ hậu quả của các rủi ro được bảo hiểm.

2.3 Hồ sơ yêu cầu bồi thường

Người Trên Xe (hoặc người đại diện của những người này) bằng chi phí của mình, chủ động thu thập và gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường cho điều khoản bảo hiểm bổ sung này theo yêu cầu của Công Ty Bảo Hiểm một cách trung thực, kịp thời và đầy đủ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Công Ty Bảo Hiểm tiến hành việc kiểm tra, xác minh hậu quả khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra (nếu cần). Hồ sơ yêu cầu bồi thường là bản gốc, bản sao hợp pháp hoặc hình thức khác được Công Ty Bảo Hiểm chấp thuận, bao gồm đầy đủ các chứng từ sau để Công Ty Bảo Hiểm có căn cứ giải quyết:

- Giấy yêu cầu bồi thường bảo hiểm (theo mẫu OPES);
- Giấy tờ tùy thân của Người Trên Xe, Người Thụ Hưởng;
- Biên bản/ Hồ sơ Tai Nạn của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp Tai Nạn xảy ra đối với Lái Xe);

- Biên bản tường trình có xác nhận của người làm chứng; hoặc xác nhận của cơ quan công an nơi xảy ra sự kiện trong vòng 24h kể từ thời điểm Xe Cơ Giới bị Cướp dẫn tới Hư Hỏng xuất phát từ một trong các nguyên nhân được bảo hiểm theo Điểm i, Khoản 2.1 Điều 2 hoặc kể từ thời điểm Lái Xe bị Tai Nạn theo Điểm ii, Khoản 2.1, Điều 2 bao gồm đầy đủ các thông tin: nguyên nhân, diễn biến, người phát hiện chứng kiến sự việc hoặc tài liệu tương tự được đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển Người Trên Xe xác nhận;
- Và các giấy tờ khác có liên quan đến việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu của OPES (nếu cần) và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG VỀ THU THẬP VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES (là Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu) được trực tiếp hoặc thông qua các công ty đồng bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm thực hiện thu thập các dữ liệu cá nhân của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng (sau đây gọi là “Chủ thể dữ liệu”) nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều khoản này để trực tiếp hoặc thông qua các bên thứ ba khác (Bên Xử lý dữ liệu cá nhân) thực hiện xử lý các dữ liệu đó cho các mục đích nêu tại khoản 3 phù hợp với các quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 của Điều khoản này và không phải thông báo lại cho Chủ thể dữ liệu.

1. Nội dung Dữ liệu cá nhân cơ bản được Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES thu thập bao gồm:
 - a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
 - b) Ngày, tháng, năm sinh;
 - c) Giới tính;
 - d) Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;
 - e) Quốc tịch;
 - f) Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế;
 - g) Tình trạng hôn nhân;
 - h) Các thông tin khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Nội dung Dữ liệu cá nhân nhạy cảm được Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES thu thập bao gồm:
 - a) Tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, không bao gồm thông tin về nhóm máu;
 - b) Thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;
 - c) Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;
 - d) Các thông tin khác phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Mục đích xử lý dữ liệu:
 - a) Nhằm thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, xác minh và giám định tổn thất, cứu hộ...;
 - b) Nhằm phục vụ các hoạt động tái bảo hiểm, phòng chống gian lận bảo hiểm, đề phòng và hạn chế tổn thất;
 - c) Nhằm nghiên cứu hành vi khách hàng, nghiên cứu thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm bảo hiểm mới;

- d) Quảng cáo, tiếp thị, truyền thông, bao gồm nhưng không giới hạn: nhận các thông tin giới thiệu sản phẩm, khuyến mại từ Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng theo bất kỳ địa chỉ/phương thức liên lạc do khách hàng cung cấp;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức xử lý dữ liệu:
- a) Trực tiếp xử lý dữ liệu bằng các công cụ, hệ thống công nghệ và nguồn lực sẵn có của Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
 - b) Thuê, sử dụng một bên thứ ba xử lý dữ liệu;
 - c) Các cách thức xử lý dữ liệu khác phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Thông tin về các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tới mục đích xử lý dữ liệu nêu tại Khoản 3 Điều này:
- a) OPES và các công ty đồng bảo hiểm với Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
 - b) các đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm của Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
 - c) các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, dịch vụ tái bảo hiểm cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
 - d) các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn y tế, khám chữa bệnh cho khách hàng, Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
 - e) các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo, tiếp thị, truyền thông cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
 - f) các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cứu hộ cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
 - g) các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm của Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES.
6. Hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra:
- a) Hệ thống công nghệ, xử lý dữ liệu của Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu và/hoặc Bên xử lý dữ liệu bị truy cập trái phép hoặc gặp phải các rủi ro an ninh mạng hoặc các nguyên nhân khác dẫn đến việc dữ liệu bị rò rỉ;
 - b) Dữ liệu cá nhân bị rò rỉ của Chủ thể dữ liệu có thể bị Bên thứ ba (không phải Bên kiểm soát dữ liệu và Bên xử lý dữ liệu) sử dụng trái phép cho các mục đích tiếp thị, quảng cáo, bán hàng hoặc các mục đích khác nhằm phục vụ cho lợi ích của Bên thứ ba này;
 - c) Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu và/hoặc Bên xử lý dữ liệu bị mất uy tín, hình ảnh do không thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu;
 - d) Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu và/hoặc Bên xử lý dữ liệu bị xử lý theo quy định pháp luật do vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu;
 - e) Các hậu quả khác mà các bên chưa lường trước được.
7. Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc xử lý dữ liệu:
- a) Thời gian bắt đầu: Kể từ thời điểm Chủ thể dữ liệu chấp thuận cung cấp và đồng ý cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES xử lý dữ liệu cá nhân;

- b) Thời gian kết thúc: trong 72 giờ kể từ thời điểm Chủ thể dữ liệu yêu cầu Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES xóa dữ liệu cá nhân, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác;
8. Chủ thể dữ liệu có các quyền đối với Dữ liệu cá nhân của mình theo quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với các quy định tại Điều 9 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/04/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân (gọi tắt là NĐ13) và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định này trong từng thời kỳ.
9. Trường hợp Chủ thể dữ liệu không đồng ý đối với toàn bộ nội dung của Điều khoản này khi yêu cầu bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES với Chủ thể dữ liệu sẽ không được xác lập hoặc sẽ bị hủy bỏ nếu Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm cho Chủ thể dữ liệu.
10. Trường hợp Chủ thể dữ liệu đã đồng ý đối với toàn bộ nội dung của Điều khoản này và hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết trên cơ sở sự đồng ý đó, nếu trong thời gian hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, Chủ thể dữ liệu thực hiện các quyền quy định tại khoản 4, 5, 6 và khoản 8 Điều 9 NĐ13, hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES và Chủ thể dữ liệu sẽ chấm dứt kể từ thời điểm Chủ thể dữ liệu yêu cầu thực hiện các quyền đó và hợp đồng bảo hiểm sẽ được xử lý như trường hợp bên mua bảo hiểm đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm quy định tại quy tắc điều khoản bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM OPES

📍 Số 5 Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội

☎ 1800 55 88 55

✉ dichvukhachhang@opes.com.vn

🌐 opes.com.vn